

**TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/12/2022
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Bình

Bà Vũ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST - HNGĐ ngày 29/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị L - sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn 7, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn S - sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn S kết hôn ngày 15/7/2003 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm không thể hòa giải được vì anh S có người phụ nữ khác. Chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, luôn cãi nhau. Chị đã về nhà mẹ đẻ tại thôn 7, xã N, huyện N sinh sống cho đến nay. Chị và anh S sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Văn Tr, sinh ngày 22/12/2002. Hiện nay cháu Trần Văn Tr đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn S, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn S biết được chị Mai Thị L khởi kiện xin ly hôn anh ra Tòa án nhưng anh S cố tình vắng mặt nên không có lời khai thể hiện trong vụ án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh S vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn, đồng thời không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Mai Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Trần Văn S được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của chị L tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Mai Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Trần Văn S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 29/11/2022, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, có mặt chị Mai Thị L, còn anh Trần Văn S vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, có mặt chị L còn anh S vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai vắng mặt anh S.

[2]. Về hôn nhân: Chị Mai Thị L và anh Trần Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm không thể hòa giải, anh S đi theo người phụ nữ khác. Chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, luôn cãi nhau, chị và con chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn 7, xã N, huyện N sinh sống từ năm 2008 cho đến nay. Chị và anh S không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Mai Thị L và anh Trần Văn S đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, hôn nhân không thể duy trì được

nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Trần Văn S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn Tr, sinh ngày 22/12/2002, hiện tại cháu Tr đã trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Chị Mai Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị L, cho chị Mai Thị L được ly hôn với anh Trần Văn S.

2. Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0015063 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị Mai Thị L đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Phòng GD-KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Tạ Văn Tuyển